

Số: **353/2025/QĐST-HNGĐ**

Tuyên Quang, ngày 01 tháng 12 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án thụ lý số: 201/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2025, giữa:

- *Nguyên đơn:* Anh **Tạ Thành Đ**, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Thôn Đất Đỏ, xã B, tỉnh Tuyên Quang.

- *Bị đơn:* Chị **Trần Thị X**, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Thôn Đất Đỏ, xã B, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào các Điều 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 11 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 11 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh **Tạ Thành Đ** và chị **Trần Thị X** (Giấy chứng nhận kết hôn số 02/2014, quyển số 01/2014 ngày 06/01/2014 của Ủy ban nhân dân xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang nay là Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Tuyên Quang).

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao con chung là cháu **Tạ Danh T**, sinh ngày 25/6/2014 cho anh **Tạ Thành Đ** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau ly hôn. Chị **Trần Thị X** không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh Tạ Thành Đ và chị Trần Thị X đều xác định không có tài sản chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Anh Tạ Thành Đ và chị Trần Thị X đều xác định không vay nợ ai và không cho ai vay nợ, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh Tạ Thành Đ tự nguyện nộp 150.000 đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000841 ngày 17 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang; trả lại cho anh Tạ Thành Đ số tiền 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*).

Chị Trần Thị X không phải nộp án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 1 - Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Vương Thị Lan

